ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /NQ-UBTVQH14	*Hà Nội, ngày tháng năm 2020*

DỰ THẢO LẦN 2
Ngày 27/4/2020

NGHỊ QUYẾT
Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2021

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019;

Sau khi xem xét Tờ trình số ...../TTr-CP ngày tháng năm 2020 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số..... /BC-UBTCNS14 ngày tháng năm 2020 và Báo cáo tiếp thu, giải trình số...../BC -UBTCNS14 ngày tháng năm 2020 của Ủy ban Tài chính - Ngân sách về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2021.

QUYẾT NGHỊ:

Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2021.

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho năm ngân sách 2021, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2021 - 2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2021-2025, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách tại Nghị quyết này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với:

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là các bộ, cơ quan trung ương và địa phương).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

CHƯƠNG II
NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước

1. Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước phải đảm bảo góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng giai đoạn 2021 - 2025 của cả nước, cũng như từng bộ, cơ quan trung ương và từng địa phương; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng (giáo dục, đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ; môi trường; y tế;...) và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo khó khăn.

2. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2021-2023, kế hoạch tài chính 05 năm 2021- 2025 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021-2030) của cả nước. Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ lệ chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại thu - chi ngân sách nhà nước, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội của Đảng và Nhà nước, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn đảm bảo chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

4. Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và kiểm tra; đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch; từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế.

5. Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính của các bộ, cơ quan trung ương với yêu cầu triệt để tiết kiệm; giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo, các đoàn đi công tác nước ngoài; ưu tiên mức phân bổ kinh phí cho khối các cơ quan Tư pháp, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ.

6. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tuân thủ thêm một số nguyên tắc sau:

a) Tiêu chí dân số là tiêu chí chính chia theo bốn vùng; kết hợp các tiêu chí bổ sung phù hợp với thực tế và đặc thù từng địa phương. Trong đó, phân vùng dân số cụ thể như sau:

- Vùng đặc biệt khó khăn, gồm:

+ Toàn bộ dân số ở các xã, phường, thị trấn, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn thuộc khu vực I, II) và dân số ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

+ Đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn thuộc khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có điều kiện điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn được xác định theo quyết định công nhận của Thủ tướng Chính phủ; đơn vị thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có điều kiện điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn được xác định theo quyết định công nhận danh sách của Ủy ban Dân tộc.

+ Đơn vị hành chính xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được xác định theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

- Vùng khó khăn, gồm: Dân số ở các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn được xác định theo quyết định công nhận của Thủ tướng Chính phủ (không kể dân số các thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I, II) và dân số ở các xã

thuộc vùng hải đảo (không kể dân số các xã hải đảo theo Quyết định số 131/QĐ-TTg; phường, thị trấn thuộc vùng hải đảo).

- Vùng đô thị: Bao gồm dân số các đơn vị hành chính phường, thị trấn còn lại (không kể dân số phường, thị trấn thuộc vùng đặc biệt khó khăn, vùng khó khăn).

- Vùng còn lại: Bao gồm dân số các đơn vị hành chính xã thuộc khu vực còn lại.

b) Định mức phân bổ của ngân sách địa phương được xây dựng cho 13 lĩnh vực chi theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, đảm bảo chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo quy định, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành đến 31/5/2020 và tiền lương theo mức lương cơ sở 1.600.000 đồng/tháng theo phân cấp của Luật ngân sách nhà nước.

** Các tiêu chí, định mức nêu trên được xây dựng trên cơ sở đánh giá ước thực hiện thu NSNN năm 2020 và dự kiến thu NSNN năm 2021 theo kế hoạch tài chính –NSNN 03 năm 2020-2022; dự kiến phân vùng đồng bào DTTS&MN theo trình độ phát triển như đề xuất của UBDT tại dự thảo trình Thủ tướng Chính phủ; trường hợp tiêu chí dân số phân vùng đồng bào DTTS&MN được cấp có thẩm quyền phê duyệt chính thức có điều chỉnh số liệu dân số thì tiêu chí, định mức chi thường xuyên NSNN năm 2021 sẽ được điều chỉnh để phù hợp với khả năng cân đối của NSNN.*

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các bộ, cơ quan trung ương

1. Phân bổ dự toán chi quản lý hành chính:

a) Nguyên tắc: Từ năm 2021, cơ chế quản lý tài chính và thu nhập của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước thực hiện theo nguyên tắc đồng bộ, toàn diện và thống nhất theo quy định của pháp luật.

b) Tiêu chí:

Căn cứ số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao theo phương pháp lũy thoái (định mức giảm dần đối với số biên chế được giao).

Ngoài dự toán chi thường xuyên được phân bổ theo số biên chế, các bộ, cơ quan trung ương được phân bổ kinh phí để đảm bảo chi tiền lương và các khoản có tính chất lương theo chế độ quy định và kinh phí để đảm bảo nhiệm vụ đặc thù cụ thể của từng bộ, cơ quan trung ương.

c) Định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế:

Đơn vị: triệu đồng/biên chế/năm

Các Bộ, cơ quan trung ương	Định mức phân bổ

1. Khối các cơ quan: Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ	70
2. Khối các Bộ, cơ quan trung ương khác (định mức lũy thoái theo từng bậc biên chế)	
- Từ 100 biên chế trở xuống	69
- Từ biên chế thứ 101 đến 500	63
- Từ biên chế thứ 501 đến 1.000	58
- Từ biên chế thứ 1.001 trở lên	55

d) Các cơ quan quản lý hành chính nhà nước có thu phí theo Luật phí và lệ phí thực hiện nộp toàn bộ số phí thu được vào ngân sách nhà nước, ngân sách nhà nước bố trí kinh phí đảm bảo hoạt động. Việc lập dự toán thu – chi hằng năm thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Kho bạc Nhà nước (Bộ Tài chính), Cục Đăng kiểm Việt Nam (Bộ Giao thông vận tải) được giữ lại các nguồn thu nghiệp vụ theo quy định, Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại (Bộ Tài chính) tiếp tục được giữ lại một phần nguồn thu phí theo quy định tại Luật quản lý nợ công để tự đảm bảo toàn bộ kinh phí chi trả tiền lương và chi hoạt động theo các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu theo quy định. Hằng năm, các cơ quan nêu trên tổng hợp kế hoạch thu – chi trong năm kế hoạch theo quy định, gửi đơn vị dự toán cấp 1 (nếu có), gửi Bộ Tài chính thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ giao dự toán làm cơ sở tổ chức thực hiện.

2. Phân bổ dự toán chi các đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2021 hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các Bộ, cơ quan trung ương trên cơ sở định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa XII và căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ sự nghiệp công, yêu cầu giảm dần số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong từng lĩnh vực sự nghiệp.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: được vận dụng không quá định mức phân bổ chi quản lý hành chính của đơn vị cùng quy mô biên chế.

b) Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các Bộ, cơ quan trung ương để thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản

phẩm, dịch vụ công theo quy định.

3. Phân bổ dự toán chi quốc phòng, an ninh:

Đối với nhiệm vụ chi quốc phòng, an ninh của ngân sách trung ương căn cứ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ đối với con người, nhiệm vụ đặc thù của quốc phòng, an ninh và khả năng cân đối ngân sách trung ương hàng năm Chính phủ trình Quốc hội quyết định.**Điều 5. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

1. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục:

a) Tiêu chí phân bổ theo dân số trong độ tuổi đến trường (từ 1-18 tuổi) và các tiêu chí bổ sung quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

b) Định mức phân bổ theo dân số trong độ tuổi đến trường từ 1 - 18 tuổi:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Vùng ĐBKK	6.065.300
Vùng khó khăn	4.245.700
Đô thị	2.577.700
Vùng còn lại	3.032.600

Định mức phân bổ tại khoản này đã bao gồm: Tính đủ cho các cấp giáo dục, các loại hình giáo dục; chính sách ưu tiên đối với lĩnh vực giáo dục đã ban hành.

Trên cơ sở định mức quy định tại khoản này, nếu tỷ lệ chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập (không kể lương và có tính chất lương) nhỏ hơn 17% so với tổng chi sự nghiệp giáo dục, sẽ được bổ sung để đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 83%, chi cho hoạt động giảng dạy và học tập, tổ chức nấu ăn cho học sinh dân tộc thiểu số, hộ nghèo ở vùng đặc biệt khó khăn, hải đảo (học sinh được Nhà nước hỗ trợ tiền ăn, tiền ở, gạo) tối thiểu 17% (chưa kể nguồn thu học phí).

Tỷ lệ này chỉ áp dụng đối với năm 2021, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2021 - 2025 giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; từng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2021 - 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quyết định phù hợp với khả năng ngân sách và điều kiện thực tế của từng địa phương.

c) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung, gồm các chế độ, chính sách: Chế độ hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ 3-5 tuổi; học bổng cho học sinh dân tộc nội trú; hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật; hỗ trợ học sinh phổ thông trung

học vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học; hỗ trợ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ học sinh, sinh viên cao đẳng trung cấp; hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người theo quy định của pháp luật.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

a) Tiêu chí phân bổ theo dân số (không kể dân số từ 1-18 tuổi).

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số (không kể dân số từ 1-18 tuổi):

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Vùng ĐBKK	246.000
Vùng khó khăn	172.200
Đô thị	110.600
Vùng còn lại	123.000

3. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế:

a) Tiêu chí phân bổ theo nhiệm vụ và dân số quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

b) Định mức phân bổ theo nhiệm vụ, gồm: Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng trẻ em dưới 6 tuổi; người thuộc hộ gia đình nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo; người đã hiến bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật; người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hằng tháng; học sinh, sinh viên; cựu chiến binh; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước; người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào; thanh niên xung phong; dân công hỏa tuyến; người thuộc hộ gia đình cận nghèo; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình) được thực hiện theo quy định của pháp luật.

c) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Vùng ĐBKK	281.450
Vùng khó khăn	200.000
Đô thị	109.600
Vùng còn lại	148.150

4. Tiêu chí, định mức phân bổ chi quản lý hành chính:

a) Tiêu chí phân bổ theo dân số, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; phân bổ theo tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương.

b) Định mức phân bổ chi quản lý hành chính (không bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương):

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Vùng ĐBKK	104.500
Vùng khó khăn	85.900
Đô thị	63.200
Vùng còn lại	58.100

c) Định mức phân bổ theo số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã:

Đơn vị: triệu đồng/huyện/xã/năm

Vùng	Định mức huyện	Định mức xã
Vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và hải đảo	2.500	1.000
Vùng còn lại	2.100	600

d) Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) tính theo quy định hiện hành.

e) Trường hợp dự toán chi quản lý hành chính tính theo định mức (không bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương) quy định tại điểm b khoản 4 Điều này nhỏ hơn 24% so với tổng chi quản lý hành chính, sẽ được bổ để đảm bảo đủ 24%, tỷ lệ chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối đa bằng 76%.

f) Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có số đơn vị hành chính cấp huyện dưới 10 đơn vị được bổ sung thêm 5% định mức phân bổ theo tiêu chí dân số.

5. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin:

a) Tiêu chí phân bổ theo dân số và các tiêu chí bổ sung quy định tại điểm c khoản 5 Điều này.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Vùng ĐBKK	92.205
Vùng khó khăn	66.285
Đô thị	43.065
Vùng còn lại	47.250

c) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Phân bổ thêm cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp (là đơn vị sự nghiệp công lập); đội thông tin lưu động; khu, điểm du lịch quốc gia.

6. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình:

a) Tiêu chí phân bổ theo dân số và các tiêu chí bổ sung quy định tại điểm c khoản 6 Điều này.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Vùng ĐBKK	41.000
Vùng khó khăn	29.500
Đô thị	19.000
Vùng còn lại	21.100

c) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Phân bổ thêm cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có các trạm phát lại phát thanh.

7. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao:

a) Tiêu chí phân bổ theo dân số và các tiêu chí bổ sung quy định tại điểm c khoản 7 Điều này.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Vùng ĐBKK	31.700
Vùng khó khăn	23.400
Đô thị	22.300
Vùng còn lại	16.700

c) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có vận động viên đạt thành tích cao cấp quốc gia và vận động viên khuyết tật được tham gia các giải do trung ương tổ chức, được phân bổ kinh phí tập huấn theo chế độ quy định đối với vận động viên.

8. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Vùng ĐBKK	68.800
Vùng khó khăn	56.600
Đô thị	37.200
Vùng còn lại	40.400

c) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

Chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội; chế độ trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo quy định của pháp luật; hỗ trợ hộ nghèo, hộ chính sách xã hội tiền điện; hỗ trợ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số.

Các cơ sở bảo trợ xã hội do địa phương quản lý được phân bổ thêm 500 triệu đồng/cơ sở để có thêm kinh phí thực hiện chính sách, nhiệm vụ bảo trợ xã hội ở địa phương.

Phân bổ thêm cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mức 01 triệu đồng/gia đình thuộc diện chính sách để có thêm kinh phí thực hiện chế độ thăm hỏi, động viên các gia đình thuộc diện chính sách vào ngày lễ, tết.

9. Tiêu chí, định mức phân bổ chi quốc phòng:

a) Tiêu chí phân bổ theo dân số và các tiêu chí bổ sung quy định tại điểm c khoản 9 Điều này.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Vùng ĐBKK	152.600
Vùng khó khăn	106.800
Đô thị	76.400

Vùng	Định mức phân bổ
Vùng còn lại	76.400

c) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Phân bổ thêm cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xã biên giới đất liền, xã đảo, xã ven biển.

10. Tiêu chí, định mức phân bổ chi an ninh:

a) Tiêu chí phân bổ theo dân số và các tiêu chí bổ sung quy định tại điểm c khoản 10 Điều này.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Vùng ĐBKK	33.100
Vùng khó khăn	23.200
Đô thị	21.800
Vùng còn lại	16.600

c) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Phân bổ thêm cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xã biên giới đất liền, xã đảo, xã ven biển.

11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Chính phủ trình Quốc hội mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ ngân sách địa phương năm 2021.

12. Mức phân bổ chi hoạt động kinh tế:

a) Định mức phân bổ theo nhiệm vụ:

Hỗ trợ kinh phí duy tu, sửa chữa đường tuần tra biên giới địa phương quản lý.

Hỗ trợ kinh phí sử dụng giá dịch vụ, sản phẩm công ích thủy lợi; kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa, có diện tích trồng lúa lớn.

Hỗ trợ khai thác hải sản trên các vùng biển xa theo Quyết định 48/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Phân bổ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có các đơn vị hành chính đô thị theo mức 140.000 triệu đồng/quận, đô thị loại I (thuộc tỉnh)/năm; 84.700 triệu đồng/đô thị loại II/năm; 23.800 triệu đồng/đô thị loại III/năm; 16.800 triệu đồng/đô thị loại IV/năm; 8.400 triệu đồng/đô thị loại V.

Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, trường hợp địa phương được cơ quan có thẩm quyền ở trung ương công nhận nâng cấp đô thị, ngân sách trung ương sẽ hỗ trợ cho các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương theo mức hỗ trợ đô thị quy định nêu trên.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Vùng ĐBKK	744.200
Vùng khó khăn	520.940
Đô thị	316.300
Vùng còn lại	372.100

13. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:

a) Tiêu chí phân bổ theo dân số đô thị và mật độ dân số; Quy mô GDP ngành công nghiệp và xây dựng; diện tích rừng tự nhiên; số thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

b) Định mức phân bổ: Trên cơ sở tổng dự toán chi sự nghiệp môi trường của ngân sách nhà nước, giao Thủ tướng Chính phủ quy định mức phân bổ cụ thể định mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường của địa phương theo từng tiêu chí.

14. Mức phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách địa phương:

Phân bổ theo tỷ trọng (bằng 0,5%) tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo định mức phân bổ (từ khoản 1 đến khoản 13 Điều này).

15. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khó khăn hoặc có dân số thấp, được phân bổ thêm theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số như sau: Các địa phương thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long được phân bổ thêm 10%; các địa phương có dân số dưới 550 nghìn dân được phân bổ thêm 16%; các địa phương có dân số từ 550 nghìn dân đến dưới 700 nghìn dân được phân bổ thêm 14%; các địa phương có dân số từ 700 - 1.000 nghìn dân được phân bổ thêm 12%. Trường hợp địa phương đáp ứng từ hai tiêu chí trở lên, chỉ được phân bổ theo tiêu chí hỗ trợ cao nhất.

16. Đối với các tỉnh, thành phố có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương, được phân bổ thêm theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số như sau: Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh được phân bổ thêm 70%; các thành phố trực thuộc Trung ương còn lại (Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ) được phân bổ thêm 45%; các tỉnh có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương từ 40% trở lên được phân bổ thêm 40%; các tỉnh có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương từ 15% đến dưới 40% được phân bổ thêm 35%; các tỉnh có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương còn lại được phân bổ thêm 30%. Tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương của từng tỉnh/thành phố được xác định theo tỷ lệ giai đoạn 2017-2020 đã được Quốc hội quyết định.

17. Dự phòng ngân sách: Chính phủ trình Quốc hội mức phân bổ dự phòng ngân sách địa phương năm 2021 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

18. Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách:

a) Chính phủ trình Quốc hội:

Tăng thêm số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho các địa phương so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Phương án xử lý trong trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động làm ngân sách địa phương tăng thu lớn.

Hỗ trợ cho các địa phương theo khả năng cân đối của ngân sách trung ương trong trường hợp có phát sinh nhiệm vụ đặc biệt về an ninh, quốc phòng.

b) Khi có đơn vị hành chính mới được thành lập theo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương theo mức:

Đối với thành phố, thị xã, quận mới thành lập được hỗ trợ 17.000 triệu đồng/đơn vị/năm.

Đối với huyện mới thành lập: thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đặc biệt khó khăn, hải đảo được hỗ trợ 17.000 triệu đồng/đơn vị/năm; thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi được hỗ trợ 13.600 triệu đồng/đơn vị/năm; thuộc vùng còn lại được hỗ trợ 10.200 triệu đồng/đơn vị/năm.

Đối với xã, phường, thị trấn mới thành lập: thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đặc biệt khó khăn, hải đảo được hỗ trợ 3.400 triệu đồng/đơn vị/năm; thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi hỗ trợ 2.720 triệu đồng/đơn vị/năm; thuộc vùng còn lại hỗ trợ 2.380 triệu đồng/đơn vị/năm.

CHƯƠNG III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6: Tổ chức thực hiện

Giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

1. Tổ chức và chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết này theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Trong trường hợp bổ sung hoặc sửa đổi các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2021 ngoài các quy định tại Nghị quyết này thì Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

4. Quy định chi tiết định mức phân bổ đối với từng tiêu chí, các mốc thời gian, cơ quan cung cấp số liệu làm căn cứ xác định dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2021 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2021-2025.

5. Quy định chi tiết thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2021 và thời kỳ ổn định ngân sách 2021-2025 theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Điều 8. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Tài chính - Ngân sách, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội, đại biểu Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật./.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Chủ tịch Quốc hội
- Các đ/c Phó Chủ tịch Quốc hội;
- Các đ/c Ủy viên UBTVQH;
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- VPTW Đảng; VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, KH& ĐT;
- Lưu: HC, TCNS.

Nguyễn Thị Kim Ngân